

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/DS-ST

Ngày: 09-7-2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán máy gặt đập liên hợp, hợp
đồng vay tài sản giữa Công ty
Trách nhiệm Hữu hạn Một
thành viên Thương mại dịch vụ
Đ P V với ông C.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nhựt Thảo

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán máy gặt đập liên hợp, Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 70/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ Đ P V

Địa chỉ: Thửa đất số 1002, Tờ bản đồ số 2, khu vực 1, phường B L, quận C R, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T V P, sinh ngày 30-10-1989 – Chức vụ: Giám đốc

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên – Mã số doanh nghiệp 1801413988 đăng ký lần đầu ngày 24-8-2015, đăng ký thay đổi lần thứ I ngày 13-9-2018

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông N L D, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp T P A, thị trấn T L, huyện T L, thành phố Cần Thơ.

Theo văn bản ủy quyền ngày 17-12-2018.

2. Bị đơn: Ông Đ M C, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp V P, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà L P T, sinh năm 1993 – Chuyên viên quan hệ khách hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – chi nhánh An Giang (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 217, Đường L T T, Tổ 5, khóm 7, phường M L, thành phố L X, tỉnh An Giang.

Nơi cư trú: Lầu 6, Số 333, Đường T H Đ, phường M Q, thành phố L X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 18-01-2019, nguyên đơn ông T V P đã trình bày; tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông N L D trình bày: Vào ngày 04-4-2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ Đ P V và ông Đ M C có ký kết hợp đồng mua bán số 30/2017/HĐKT/ĐPV có nội dung ông C mua của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ Đ P V 01 máy gặt đập liên hợp hiệu Yanmar AW82V mới 100%, số khung C88-270524, số máy Z0862A, giá 680.000.000đ. Đặt cọc 20.000.000đ, trả trước 130.000.000đ, trả qua ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – chi nhánh An Giang 478.000.000đ, còn lại 52.000.000đ ông C sẽ trả trong 3 tháng. Ngày 12-4-2017, ông C có lập Cam kết thanh toán cho công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ Đ P V số tiền 52.000.000đ sẽ trả trong 3 tháng, nếu sau ngày 12-7-2017, ông C không thanh toán thì phải chịu lãi phạt 1,2%/tháng. Ông C không trả nợ theo cam kết.

Vào ngày 18-4-2018, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ Đ P V có cho ông Đ M C vay số tiền 70.000.000đ để trả nợ vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – chi nhánh An Giang, lãi suất 1%/tháng, ông C sẽ thanh toán vào ngày 18-5-2018; ông C chỉ trả được 59.956.000đ, còn nợ lại 10.044.000đ.

Nay ông đại diện cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ Đ P V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét buộc ông Đ M C có nghĩa vụ trả lại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ Đ P V tiền mua máy gặt đập liên hợp còn nợ là 52.000.000đ và tiền lãi tính theo mức 0,75%/tháng thời gian tính kể từ ngày 13-

7-2017 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án; vốn vay là 10.044.000đ và tiền lãi tính theo mức 0,75%/tháng thời gian tính kể từ ngày 18-4-2018 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và 2 lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Đ M C, nhưng ông C vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04-4-2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L P T trình bày: Vào ngày 18-4-2018, tại trụ sở Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – chi nhánh An Giang. Địa chỉ: Số 217, Đường L T T, Tổ 5, khóm 7, phường M L, thành phố L X, tỉnh An Giang. Bà có chứng kiến việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ Đ P V có ông T V P là người đại diện theo pháp luật của công ty có cho ông Đ M C vay số tiền 70.000.000đ để trả nợ vay ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank), lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, thời hạn vay 01 tháng từ ngày 18-4-2018 đến ngày 18-5-2018; khi cho vay có lập “Giấy cho vay tiền” có ông T V P, ông Đ M C và bà ký tên xác nhận; bà không nhận tiền mà ông C nhận tiền sau đó nộp vào ngân hàng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bị đơn ông Đ M C, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bị đơn ông C.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L P T, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà T có yêu cầu vắng mặt tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 227 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện. Đối chiếu quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 430, Điều 463 và Điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; thì

vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản.

[3] *Về thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ địa chỉ bị đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tổ tụng Dân sự; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện:* Căn cứ

Hợp đồng mua bán số 30/2017/HĐKT/ĐPV ngày 04-4-2017 do nguyên đơn cung cấp (bút lục 04, 05);

Cam kết thanh toán của ông Đ M C ngày 12-4-2017 do nguyên đơn cung cấp (bút lục 06);

Giấy cho vay tiền ngày 18-4-2018 do nguyên đơn cung cấp (bút lục 07),

Ngày 18-12-2018, nguyên đơn khởi kiện. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 429; Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 184 của Bộ Luật Tổ tụng Dân sự; thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:* Căn cứ

Hợp đồng mua bán số 30/2017/HĐKT/ĐPV ngày 04-4-2017 do nguyên đơn cung cấp (bút lục 04, 05);

Cam kết thanh toán của ông Đ M C ngày 12-4-2017 do nguyên đơn cung cấp (bút lục 06);

Giấy cho vay tiền ngày 18-4-2018 do nguyên đơn cung cấp (bút lục 07),

Từ căn cứ trên có cơ sở kết luận, vào ngày 04-4-2017, giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng mua bán tài sản là máy gặt đập liên hợp hiệu Yanmar AW82V mới 100%, số khung C88-270524, số máy Z0862A, giá 680.000.000đ. Đặt cọc 20.000.000đ, trả trước 130.000.000đ, trả qua ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) – chi nhánh An Giang 478.000.000đ, còn nợ lại 52.000.000đ. Ngày 12-4-2017, ông C có lập Cam kết thanh toán cho công ty Đ P V số tiền trên trong 3 tháng, nếu sau ngày 12-7-2017, ông C không thanh toán thì phải chịu lại phạt 1,2%/tháng và vào ngày 18-4-2018, giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền vay là 70.000.000đ, mục đích vay để trả nợ vay ngân hàng, lãi suất 1%/tháng, ông C sẽ thanh toán vào ngày 18-5-2018; ông C chỉ trả được 59.956.000đ, còn nợ lại 10.044.000đ dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Xét Hợp đồng mua bán tài sản được xác lập ngày 04-4-2017, giữa nguyên đơn và bị đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 430 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; thì hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội dung; không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng mua bán tài sản trên có hiệu lực pháp luật.

Xét Hợp đồng vay tài sản được xác lập ngày 18-4-2018, giữa nguyên đơn và bị đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 463 của Bộ Luật Dân

sự năm 2015; thì hợp đồng hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội dung; không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản trên có hiệu lực pháp luật.

[5.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[5.1.1] *Đối với việc trả lại tiền mua máy còn nợ và yêu cầu tính lãi:* Do hợp đồng mua bán tài sản trên có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn đã giao tài sản cho bị đơn, bị đơn còn nợ lại 52.000.000đ thỏa thuận trả chậm trong 3 tháng nhưng bị đơn không thực hiện. Nay nguyên đơn có yêu cầu nhận lại số tiền trên và yêu cầu tính lãi theo mức 0,75%/tháng thời gian tính kể từ ngày 13-7-2017 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Xét quan hệ tranh chấp trên bị đơn là người có lỗi đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là trả đủ tiền theo cam kết. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Các Điều 430, 431, 433, 434, 436, và 440 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì yêu cầu của nguyên đơn được nhận lại một lần số tiền bị đơn còn nợ là 52.000.000đ và tiền lãi là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình xác lập hợp đồng nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo mức 0,75%/tháng. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 357, khoản 3 Điều 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì mức lãi suất yêu cầu này của nguyên đơn trong giới hạn cho phép của pháp luật. Tiền lãi bị đơn phải trả là 9.451.000đ ($52.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 727$ ngày (từ ngày 13-7-2017 đến ngày 09-7-2019 là 727 ngày)). Tổng cộng là 61.451.000đ.

[5.1.2] *Đối với việc trả lại vốn vay và yêu cầu tính lãi:* Do hợp đồng vay tài sản trên có hiệu lực pháp luật và đây là hợp đồng vay có kỳ hạn; nguyên đơn đã giao đủ tiền cho bị đơn, đến hạn trả nợ bị đơn không trả hết nợ, còn nợ lại 10.044.000đ. Nay nguyên đơn có yêu cầu nhận lại vốn vay còn nợ và yêu cầu tính lãi theo mức 0,75%/tháng thời gian tính kể từ ngày 18-4-2018 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án. Xét quan hệ tranh chấp trên bị đơn là người có lỗi đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là trả lại vốn vay khi đến hạn. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Các Điều 463, 465, 466, 468 và 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì yêu cầu của nguyên đơn được nhận lại một lần vốn vay còn nợ là 10.044.000đ và tiền lãi là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình xác lập hợp đồng nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo mức 0,75%/tháng. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 và Điều 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, thì mức lãi suất yêu cầu này của nguyên đơn trong giới hạn cho phép của pháp luật. Tiền lãi bị đơn phải trả là 1.122.000đ ($10.044.000đ \times 0,75\%/tháng \times 447$ ngày (từ ngày 18-4-2018 đến ngày 09-7-2019 là 447 ngày)). Tổng cộng là 11.166.000đ

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận 0,75%/tháng.

[5.2] *Đối với bị đơn*: Quá trình tố tụng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Căn cứ khoản 4 Điều 91 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và bị đơn phải gánh chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

[6] *Về án phí*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn 1.736.000đ (một triệu bảy trăm ba mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013939 ngày 18-01-2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Do buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn 72.617.000đ (bảy mươi hai triệu sáu trăm mười bảy ngàn đồng) nên bị đơn phải chịu 3.630.000đ (ba triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ Đ P V có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09-7-2019).

Bị đơn ông Đ M C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L P T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 357, 429, 430, 431, 433, 434, 436, 440, 463, 465, 466, 468 và 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ Đ P V.

[2] Buộc bị đơn ông Đ M C phải trả một lần cho nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ Đ P V số tiền còn nợ là 72.617.000đ (bảy mươi hai triệu sáu trăm mười bảy ngàn đồng).

[3] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận 0,75%/tháng.

[4] Về án phí:

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ Đ P V 1.736.000đ (một triệu bảy trăm ba mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013939 ngày 18-01-2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn ông Đ M C phải chịu 3.630.000đ (ba triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ Đ P V có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09-7-2019).

Bị đơn ông Đ M C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L P T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

-Các đương sự (để thi hành);
-Viện Kiểm sát nhân dân huyện
Châu Thành;
-Chi Cục Thi hành án Dân sự
huyện Châu Thành;
-Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi
hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An
Giang;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà